

# **ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP**

**Đề tài:**

**THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI  
PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN KHU VỰC  
KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN**

## LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, chúng ta đang ở trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đây là thời kỳ chuyển tiếp từ nền kinh tế cũ lạc hậu lên nền kinh tế mới xây dựng công hữu. Do đó đòi hỏi cần phải tập trung phát triển nền kinh tế thị trường với sự đa dạng hoá các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế. Vì có như vậy mới đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu và bắt kịp với tốc độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì chúng ta không đơn thuần tập trung phát triển nền kinh tế thị trường thuần túy mà phải đặt dưới sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng "phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Với vai trò quan trọng "kinh tế tư bản tư nhân có khả năng đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, khuyến khích tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật có lợi cho quốc kế dân sinh" - Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII của Đảng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém và phải đương đầu với nhiều thách thức và khó khăn về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, trình độ công nghệ, chất lượng, giá thành sản phẩm. Một số doanh nghiệp vốn lớn, công nghệ tiên tiến, còn phần lớn vẫn là doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý doanh nghiệp còn yếu kém, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường yếu; thêm vào đó là những khó khăn vướng mắc về vốn, về mặt bằng sản xuất, kinh doanh, về khả năng tiếp cận và xử lý thông tin về môi trường pháp lý...

Vì thế, kinh tế tư bản tư nhân có khả năng đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước như huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, giải quyết và tạo công ăn việc làm cho một lực lượng lớn lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách. Bên cạnh những mặt tích cực khu vực kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta bộc lộ những yếu kém, hạn chế đòi hỏi phải có sự can thiệp từ phía Nhà nước về các chính sách

Nguyên nhân khiến tốc độ phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân chưa đáp ứng được những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta giai

đoạn hiện nay được nêu rõ tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá IX "Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với đặc điểm của kinh tế tư bản tư nhân mà đại bộ phận có quy mô nhỏ và vừa; quản lý có phần buông lỏng và có những sơ hở, hạn chế việc thúc đẩy kinh tế tư bản tư nhân phát triển đúng hướng".

Để có thể phát huy những lợi thế của khu vực kinh tế tư bản tư nhân và hạn chế đến mức thấp nhất những khuyết tật vốn có, Đảng và Nhà nước phải có sự đổi mới cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển của kinh tế tư bản tư nhân. Bài viết này nêu lên: "*Thực trạng và một số giải pháp để phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân*" làm nội dung chính của đề án kinh tế chính trị của em.

## CHƯƠNG I

### LÝ LUẬN VỀ CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ TƯ BẢN TƯ NHÂN

#### I. HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Từ khi bước vào công cuộc đổi mới chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Trong đó phải nói đến vai trò của khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần đáng kể trong việc tạo ra công ăn việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách. Sau khi luật doanh nghiệp có hiệu lực 1/1/2000, kinh tế tư bản tư nhân phát triển mạnh mẽ là điều kiện quan trọng thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế trong nước, nâng cao vị thế của Việt Nam lên so với khu vực. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc hình thành và quy mô hoạt động của đại bộ phận doanh nghiệp tư nhân (DNTN) còn mới, quy mô nhỏ. Vậy trong quá trình hội nhập, kinh tế tư bản tư nhân nên phát triển như thế nào? Đó là vấn đề cần có những dự báo đúng đắn để Đảng và Nhà nước có căn cứ khoa học ra các quyết định chủ trương chính sách cho phù hợp.

Dự báo đúng được xu thế vận động và phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta thì cần dựa trên các luận cứ khoa học. Mà nền tảng tư tưởng của Đảng ta là học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; do đó, luận cứ khoa học trước hết phải là lý luận học thuyết của Mác - Lênin về các thành phần kinh tế.

Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội có thể coi là một quá trình lịch sử tự nhiên. Vì vậy, sự vận động của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình khách quan dưới tác động của những quy luật nhất định và chỉ có thể đánh giá đúng xu thế vận động của các hiện tượng kinh tế - xã hội khi đặt nó trong quy luật chung của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội đó. Trong đó, chúng ta phải xét đến hai nguyên lý về sự vận động và phát triển cần tính đến khi nghiên cứu xu hướng vận động của kinh tế tư bản tư nhân trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Thứ nhất, đó là quy luật về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nước ta chưa thể có ngay lực lượng sản xuất hiện đại với trình độ xã hội hoá cao nên hệ thống quan hệ sản

xuất phù hợp là cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Đó chính là cơ sở khách quan của sự tồn tại của kinh tế tư bản tư nhân .

Thứ hai, là lý luận về cơ cấu sản xuất kinh tế quyết định cơ cấu xã hội, giai cấp của xã hội tương ứng và vai trò vị trí của nó. Như ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, khi kinh tế tư bản tư nhân đang có điều kiện phát triển mạnh thì tầng lớp chủ doanh nghiệp sẽ có vị trí xứng đáng tương ứng trong cơ cấu xã hội giai cấp.

Qua học thuyết của Mác - Lênin về các quy luật, nguyên lý về sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế xã hội, ta đem áp dụng và tìm hiểu thành phần kinh tế tư bản tư nhân ở Việt Nam.

## **II. KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

### **1. Khái niệm về kinh tế tư bản tư nhân**

Nói đến kinh tế tư bản tư nhân là thực chất nói đến khu vực kinh tế tư bản tư nhân, về quan hệ sở hữu gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Xét về mặt lý luận thì kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân có khác nhau về trình độ phát triển lực lượng sản xuất và bản chất quan hệ sản xuất. Nhưng trên thực tế, việc phân định rạch ròi ranh giới kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân là không đơn giản. Hai thành phần kinh tế này luôn có sự vận động, phát triển, biến đổi không ngừng và chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố thời đại, đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực sản xuất....

Để có thể hiểu rõ hơn về khu vực kinh tế tư bản tư nhân ta đi tìm hiểu xem khái niệm của nó là gì? Kinh tế cá thể là thành phần kinh tế tư hữu mà thu nhập dựa hoàn toàn vào lao động và vốn của bản thân và gia đình. Thành phần kinh tế cá thể được quy định bởi trình độ phát triển thấp và sản xuất nhỏ bé. Kinh tế tiểu chủ cũng là hình thức kinh tế tư hữu nhưng có thuê lao động, tuy nhiên thu nhập vẫn chủ yếu dựa vào sức lao động và vốn của bản thân và gia đình. Kinh tế tư bản tư nhân là thành phần kinh tế mà sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và bóc lột lao động làm thuê.

Nếu muốn có cái nhìn đầy đủ hơn về khu vực kinh tế này, chúng ta cần tìm hiểu thêm về quá trình hình thành và phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân .

## **2. Quá trình hình thành và phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân .**

Ngay từ những năm đầu của quá trình hình thành học thuyết của mình, Mac đã cho rằng chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ. Thời kỳ này xét về mặt kinh tế sẽ tồn tại đan xen những kết cấu kinh tế xã hội khác nhau. Thích ứng với thời kỳ đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với một cơ cấu xã hội nhiều giai cấp, giai tầng có mâu thuẫn gay gắt về lợi ích kinh tế, song thống nhất trong mục tiêu vận động. Từ đó chúng ta phải có những thái độ đúng đắn trong nhìn nhận về kinh tế tư bản tư nhân và nhận rõ triển vọng phát triển của kinh tế tư bản tư nhân trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Ngay sau khi cách mạng tháng tám 1945 thành công, nhận định về vai trò của kinh tế tư bản tư nhân ở Việt Nam lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố "...để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà thì giới công - thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp đỡ giới công - thương trong cuộc kiến thiết này". Sau khi cuộc kháng chiến 9 năm kết thúc, năm 1951, miền Bắc bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế theo mô hình kế hoạch hoá tập trung. Kinh tế tư bản tư nhân bị hạn chế, bị cải tạo và dần dần bị xoá bỏ vì nó được coi là "hàng ngày hàng giờ" đẻ ra chủ nghĩa tư bản nên luôn là đối tượng của cải tạo xã hội chủ nghĩa và không được khuyến khích phát triển. Sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế ở nước ta, tại Đại hội Đảng VI với đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết là đổi mới tư duy với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đảng ta đã thừa nhận "sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế" và "trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta chưa thực sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài". Theo đó thừa nhận sự tồn tại khách quan của kinh tế tư bản tư nhân bao gồm kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, tiểu thương, tư sản nhỏ. Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới đã được đề ra từ Đại hội VI, tại Đại hội Đảng VIII tư tưởng quan điểm và chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã được khẳng định rõ: lấy việc giải phóng sức sản xuất động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho quá trình công nghiệp hoá, hiện

đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân là mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích các thành phần kinh tế. Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng các kinh tế khác góp phần xây dựng nền kinh tế nước nhà, trong đó kinh tế tư bản tư nhân được xác định là thành phần kinh tế quan trọng. Với quan niệm đó, trên thực tế, Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng tạo điều kiện về kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà đầu tư tư nhân yên tâm làm ăn lâu dài thông qua việc xúc tiến mạnh mẽ quá trình lập pháp, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần và kinh tế tư bản tư nhân nói riêng. Năm 1990 ban hành Luật Công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân. Hiến pháp 1992 đã ban hành khẳng định vai trò hợp hiến của kinh tế tư bản tư nhân và tư bản tư nhân. Hiến pháp sửa đổi bổ sung 2001 đã nêu "doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật" và trong 15 năm qua đã liên tục ban hành và hoàn thiện hệ thống luật dân sự, luật kinh tế và kinh doanh. Đạo luật doanh nghiệp đã đi vào cuộc sống rất nhanh tạo ra bước phát triển đột biến của kinh tế tư bản tư nhân .

Tuy nhiên, không thể phát triển kinh tế tư bản tư nhân một cách độc lập, không thể vì các khuyết điểm của mô hình phát triển mạnh các doanh nghiệp quốc doanh kể cả trong nông nghiệp và trong mọi lĩnh vực thì tư nhân hoá hoàn toàn khu vực doanh nghiệp quốc doanh. Bởi lẽ, trong một số lĩnh vực doanh nghiệp tư nhân không muốn kinh doanh do lợi nhuận thấp, thời gian thu hồi vốn lâu hoặc họ không thể làm được vì các ngành đó đòi hỏi lượng vốn lớn, trình độ khoa học công nghệ ví dụ như xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng (điện, nước, mạng lưới đường giao thông...) phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Do đó, để phát triển được nền kinh tế tổng thể đòi hỏi phải phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp quốc doanh để làm đầu tàu cho nền kinh tế, yểm trợ cho các doanh nghiệp nhỏ của khu vực kinh tế tư bản tư nhân . Tuy vậy, khu vực doanh nghiệp Nhà nước chỉ nên tập trung phát triển các ngành mũi nhọn chứ không phải tập trung sản xuất kinh doanh tất cả các mặt hàng thuộc các lĩnh vực khác nhau như trong thời kỳ tập trung quan liêu bao cấp. Trong thời kỳ đó, sự sản xuất dưới sự chỉ đạo chung thống nhất của Nhà nước thông qua các chỉ tiêu và kế hoạch. Chính vì thế dẫn đến sự trì trệ, đói nghèo trong một thời gian tương đối dài sau khi chúng ta giành được độc lập. Để có thể tăng khả năng

sáng tạo cũng như cạnh tranh của các doanh nghiệp Nhà nước, Nhà nước thực hiện chính sách cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước chính là đa dạng hoá các hình thức sở hữu. Điều này khiến cho các doanh nghiệp chủ động kinh doanh với chế độ tự chịu trách nhiệm bằng lợi ích của chính mình nên phát huy được mọi sự sáng tạo trong kinh doanh của các doanh nghiệp.

Theo Đại hội IX, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã đạt bước mới về hoàn thiện chính sách, khẳng định cơ cấu kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế tư bản tư nhân là bộ phận quan trọng. Đại hội đã khẳng định "Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế định hướng xây dựng chủ nghĩa cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh". Kinh tế cá thể, tiểu chủ được xác định là có vị trí quan trọng lâu dài. Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển thông qua việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài.

Qua đó ta thấy từ Đại hội VI đến nay, nhận thức của Đảng ta về vị trí và vai trò của kinh tế tư bản tư nhân trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã có bước phát triển mới. Kinh tế tư bản tư nhân được thừa nhận là bộ phận cấu thành hữu cơ quan trọng của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển kinh tế tư bản tư nhân là vấn đề có tầm chiến lược lâu dài trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế. Không chỉ thay đổi nhận thức Đảng và Nhà nước còn xây dựng và hoàn thiện thể chế phù hợp cho sự phát triển nền kinh tế nói chung kinh tế tư bản tư nhân nói riêng. Tuy nhiên đây mới chỉ là giai đoạn tìm tòi đổi mới. Về lâu dài, muốn phát triển khu vực tư nhân bền vững và mạnh cần phải có một chính sách quản lý vĩ mô thích hợp, đặc biệt là chính sách này phải đảm bảo cho khu vực tư nhân có khả năng đạt lợi nhuận khá.

### **3.Vai trò của khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước**

*\* Kinh tế tư bản tư nhân đóng góp các nguồn lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*



Là một bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần khai thác tổng thể các nguồn lực kinh tế quốc gia thông qua việc huy động nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển, đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực, công nghệ. Với vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển, khu vực tư nhân đã huy động nguồn vốn tăng liên tục trong những năm qua. Theo ước tính, từ khi luật doanh nghiệp ra đời tính từ 2000 đến 7/2003, tổng vốn các doanh nghiệp đạt 145.000 tỷ đồng cao gấp 4 lần so với tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân 9 năm trước cộng lại. Cũng thời gian đó, tỷ trọng vốn đầu tư của kinh tế tư bản tư nhân trong tổng vốn đầu tư tăng lên nhanh chóng từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2001, lên 25,3% năm 2002, 27% năm 2003. Với bản tính nhạy cảm trong kinh doanh và mục đích doanh lợi, kinh tế tư bản tư nhân luôn tìm cơ hội đầu tư, do đó ngoài vốn tự tích lũy, các chủ doanh nghiệp tư nhân tìm mọi biện pháp linh hoạt và hiệu quả để huy động vốn từ nhiều nguồn góp phần làm phong phú hoá thị trường tài chính và đầu tư. Với sự phát triển nhanh chóng và đa dạng, kinh tế tư bản tư nhân đã thu được một kết quả đáng kể đóng góp vào ngân sách Nhà nước ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thuế, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã nộp vào ngân sách năm 2000 là 11003 tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng thu ngân sách, năm 2001 nộp 11075 tỷ đồng chiếm 14,8% tổng thu ngân sách. Ngoài ra, các doanh nghiệp tư nhân còn thực hiện nhiều chương trình như đóng góp cho quỹ chất độc màu da cam, quỹ người nghèo, ủng hộ cho việc xây dựng các công trình công cộng như cầu, đường, nhà tình nghĩa, trường học, trạm xá...

Lao động là một trong những yếu tố đầu vào cơ bản của nền sản xuất. Vì vậy, việc giải quyết việc làm không chỉ có ý nghĩa về mặt sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội mà luôn là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước. Một số thành công của đường lối đổi mới trong thời gian qua đang làm thay đổi nhận thức về thị trường lao động của nước ta. Trước hết đó là quan niệm sức lao động là hàng hoá cho nên hình thức thể hiện dưới dạng "hợp đồng lao động" và được pháp luật đảm bảo thông qua Bộ luật lao động và các cơ quan thực thi. Chính sự tồn tại và phát triển của kinh tế tư bản tư nhân đang làm thay đổi cách nghĩ thụ động về việc làm, việc làm không phải chỉ do Nhà nước tạo ra cho người lao động mà người lao động

sẽ tự tạo việc làm, tự kiếm sống và làm giàu. Lao động trước đây chủ yếu trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp nay dần dần chuyển sang các ngành nghề khác như công nghiệp, dịch vụ để từ đó hình thành cơ cấu lao động hợp lý giữa các ngành, các vùng theo hướng hiện đại, hiệu quả. Trong giai đoạn hiện nay, để tăng sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp đòi hỏi phải có một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, có năng lực có phẩm chất. Do đó, phải có chính sách phù hợp để đào tạo và khuyến khích sử dụng lao động, tránh tình trạng thiếu lao động giỏi. Kinh tế tư bản tư nhân không chỉ góp phần giải quyết một lực lượng lớn lao động thất nghiệp mà còn làm tăng sự lựa chọn cho người lao động khi tham gia thị trường lao động. Những người chuẩn bị tham gia vào thị trường lao động việc làm sẽ lựa chọn lĩnh vực và thành phần kinh tế trên cơ sở cân nhắc các yêu cầu từ doanh nghiệp và khả năng của họ. Còn những người đang làm việc tại một cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ có điều kiện di chuyển, thay đổi nơi làm việc một cách tự do không bị ràng buộc bởi các cơ chế. Như vậy, tính cạnh tranh trên thị trường lao động sẽ gay gắt hơn và chính sự cạnh tranh khiến cho chất lượng lao động được nâng cao. Đồng thời, do kinh tế tư bản tư nhân có điều kiện đổi mới công nghệ nhanh nên trình độ kỹ năng của người lao động nhanh chóng được nâng cao. Khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã giải quyết việc làm cho 4700742 lao động chiếm 70% lực lượng lao động xã hội. Nếu tính tỷ lệ thu hút lao động trên vốn đầu tư thì kinh tế cá thể thu hút 165 lao động/tỷ đồng vốn, doanh nghiệp tư nhân thu hút 20 lao động/tỷ đồng vốn, trong khi doanh nghiệp Nhà nước chỉ thu hút 11,5 lao động/tỷ đồng vốn.

*\* Kinh tế tư bản tư nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiệu quả và hiện đại.*

Một trong những nội dung quan trọng của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam là cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tiến bộ về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nội lực từng bước hội nhập bình đẳng với hệ thống kinh tế quốc tế. Trong quá trình đó có sự tham gia tích cực và có hiệu quả của kinh tế tư bản tư nhân bằng việc xác lập cơ cấu đầu tư cho phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng thời kỳ phát triển. Do ưu thế nổi trội của các doanh nghiệp tư nhân là năng động nhạy bén, linh hoạt trong đầu tư kinh doanh và nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường cho nên họ luôn tìm kiếm phát hiện ngành, lĩnh vực,

mặt hàng mà xã hội đang thiếu để có thể đầu tư. Theo số liệu, kinh tế tư bản tư nhân chiếm đại bộ phận của ngành nông, lâm, ngư nghiệp như phân vùng chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học, cơ giới hoá sản xuất, phát triển công nghiệp, chế biến nông sản, điện khí hoá nông thôn... Kinh tế tư nhân còn tham gia đầu tư vào các ngành khác như thương mại dịch vụ và cả trong công nghiệp như công nghiệp may, thực phẩm, sản phẩm từ cao su, da giày...

*\*Kinh tế tư bản tư nhân góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, hiện đại hoá sản xuất.*

Với sự phát triển nhanh cả về quy mô và tốc độ của quá trình hội nhập quốc tế, các phạm trù giao dịch quốc tế ngày càng mở rộng như giao dịch hàng hoá, dịch vụ, thông tin, đầu tư, tài chính... và Việt Nam đang mở rộng cửa hợp tác kinh doanh quốc tế theo nguyên tắc đa phương hoá, đa dạng hoá. Kinh tế tư bản tư nhân cũng góp phần đáng kể trong công cuộc ấy với việc tạo ra khối lượng lớn về hàng xuất khẩu ( nông, lâm, thủy, hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ), đồng thời mở rộng khả năng đầu tư và là đối tác thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam, nhập về máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để qua đó tận dụng và phát huy mọi nguồn lực cho sự phát triển kinh tế trong nước. Việt Nam đang trong quá trình mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ngày càng sâu rộng và đầy đủ vào các tổ chức kinh tế thế giới như: AFTA, APEC và sắp tới là WTO cho nên không thể thiếu được vai trò của khu vực kinh tế tư bản tư nhân. Với những thuận lợi vốn có như linh hoạt nhạy bén phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng, khu vực này đã mang lại một nguồn lợi lớn cho đất nước. Theo ước tính, năm 2001, khu vực kinh tế tư bản tư nhân phi nông nghiệp nhập khẩu trực tiếp 3,336 tỷ USD và xuất khẩu đạt 2,851 tỷ USD. Trong những năm vừa qua, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đóng góp gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong quá trình hội nhập, kinh tế tư bản tư nhân đã liên doanh liên kết với nước ngoài hoặc làm môi giới với nhiều hình thức đa dạng và linh hoạt để tạo điều kiện thu hút ngoại lực, tận dụng kinh nghiệm quản lý cũng như tiếp thu công nghệ mới cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta. Thực tế có nhiều Công ty của người Việt Nam ở nước ngoài đang muốn đầu tư về quê hương. Nếu Nhà nước có chính sách cởi mở về phát triển kinh tế tư bản tư nhân và tạo môi trường

an toàn, tin cậy, hấp dẫn đối với họ thì đây là một nguồn lực không nhỏ (hiện nay mỗi năm tiền từ nước ngoài gửi về cho người thân ở Việt Nam khoảng 2,7 tỷ USD, phần lớn trong đó là cho đầu tư sản xuất kinh doanh).

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

#### I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Cùng với việc ban hành các luật, cơ chế chính sách với biện pháp hỗ trợ, khuyến khích, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã phát huy sức mạnh nội tại đầu tư vào nhiều lĩnh vực, địa bàn trên cả nước. Trong báo cáo tổng kết thực hiện luật Doanh nghiệp từ 2000 cho đến hết tháng 4/2004 cả nước có 93.208 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, gần gấp 2 lần số doanh nghiệp được thành lập trong thời gian trước đó (trong 9 năm từ 1991 đến 1999 chỉ có 45000 doanh nghiệp được thành lập). Như vậy cho đến nay cả nước có 138.208 doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký trung bình hàng năm gấp 3,75 lần so với trung bình của những năm trước 2000.

#### 1. Phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong thời gian qua từ khi có chính sách đổi mới

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trong 15 năm qua, kinh tế tư bản tư nhân tăng nhanh cả về số lượng và đơn vị, vốn kinh doanh và lao động, phát triển rộng khắp trong cả nước ở các ngành nghề mà pháp luật không cấm. Từ năm 1990 về trước, số doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong cả nước chỉ có vài trăm doanh nghiệp được chuyển đổi từ các tổ hợp tác, từ các hợp tác xã. Riêng thành phố Hà Nội có khoảng 30 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ và sản xuất gia công những sản phẩm phục vụ tiêu dùng nhỏ lẻ trong dân cư và phục vụ các ngành sản xuất khác. Ở thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm dân cư và kinh tế lớn ở phía Nam thì số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhiều hơn Hà Nội nhưng cũng không vượt quá con số 100. Còn ở nhiều tỉnh, thành phố khác trong cả nước chỉ có một vài doanh nghiệp, thậm chí có những tỉnh đồng bằng, trung du và miền núi không có doanh nghiệp tư nhân nào. Từ 1991 - 1999 có 45.000 doanh nghiệp đăng ký. Và từ 1/1/2000 đến 9/2003, tức là khi luật Doanh nghiệp có hiệu

lực thi hành, thì có 72.601 doanh nghiệp đăng ký đưa tổng số doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam đến 9/2003 lên 120.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

Xét về cơ cấu loại hình doanh nghiệp thì tỷ trọng doanh nghiệp tư nhân trong tổng số doanh nghiệp đăng ký giảm từ 64% giai đoạn 1991 - 1999 xuống còn 34% giai đoạn 2000 - 2004. Trong khi đó, cùng với khoảng thời gian trên, tỷ trọng Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần tăng từ 36% lên 66%. Trong 4 năm qua có khoảng 7.165 công ty Cổ phần đăng ký thành lập, gấp 10 lần so với giai đoạn 1991 - 1999. Sự thay đổi về tỷ lệ loại hình doanh nghiệp mới thành lập cho thấy các nhà đầu tư trong nước đã nhận thức được những điểm lợi và bất lợi của từng loại hình doanh nghiệp nên có xu hướng lựa chọn loại hình doanh nghiệp hiện đại, tạo cơ sở để doanh nghiệp ổn định, phát triển không hạn chế về quy mô và thời hạn hoạt động với quản trị nội bộ ngày càng chính quy, minh bạch hơn. Thực tế nói trên phần nào chứng tỏ các nhà đầu tư đã tin tưởng vào đường lối, luật pháp và cơ chế chính sách, có xu hướng đầu tư dài hạn hơn, công khai hơn và quy mô lớn hơn. Theo Báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư năm 2003, doanh nghiệp tư nhân ở nước ta chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số doanh nghiệp trong toàn quốc, đóng góp khoảng 26% tổng sản phẩm xã hội, 31% tổng sản lượng công nghiệp, 78% tổng mức bán lẻ, 64% tổng lượng vận chuyển hàng hoá, tạo ra 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn. Số lượng hộ kinh doanh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tăng từ khoảng 0,84 triệu hộ năm 1990 lên 2,2 triệu hộ năm 1996 và khoảng gần 3 triệu hộ tính đến cuối năm 2004. Ngoài ra, cả nước còn có khoảng 130.000 trang trại và trên 10 triệu hộ nông dân sản xuất hàng hoá, trong đó có khoảng 70.000 trang trại có diện tích đất trên 2 ha và doanh thu trên 100 triệu đồng/năm. Tính đến tháng 6/2003, tổng số doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh lên tới 12 vạn doanh nghiệp (chưa kể gần 2 triệu hộ kinh doanh cá thể). Trong đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 17%, xây dựng 14%, nông nghiệp 14%, trong lĩnh vực dịch vụ là 55%. Ước tính cả năm 2004 có khoảng 35.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với tổng số vốn đăng ký đạt khoảng 72.000 tỷ đồng. Cũng trong năm này, đã có gần 6.200 doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn với tổng số vốn bổ sung khoảng 23000 tỷ đồng, tăng 31% so với

vốn đăng ký bổ sung năm 2003. Mức vốn đăng ký trung bình một doanh nghiệp tăng nhanh từ 570 triệu đồng/1dn thời kỳ 1991 - 1999 lên 2,015 tỷ đồng năm 2004.

Điều đáng quan tâm là số lượng vốn huy động được qua đăng ký thành lập mới và mở rộng quy mô doanh nghiệp tăng lên mạnh mẽ. Trong 4 năm, các doanh nghiệp đã đầu tư (gồm cả đăng ký mới và đăng ký bổ sung) đạt trên 182.715 tỷ đồng (tương đương khoảng 12,1 tỷ USD, cao hơn số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký trong cùng thời kỳ): trong đó năm 2000 là 1,3 tỷ USD, năm 2001 là 2,3 tỷ USD, năm 2002 là gần 3 tỷ USD, năm 2003 là khoảng 3,6 tỷ USD và hết tháng 5/2004 là khoảng 1,8 tỷ USD. Từ năm 2000 - 2003, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực tư nhân trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng lên nhanh chóng: từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2001, lên 25,3% năm 2002 và khoảng 27% năm 2003 và khoảng 29% năm 2004. Tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong tổng nguồn vốn đầu tư xã hội đã liên tục tăng và năm 2004 đã vượt lên hơn hẳn so với tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khu vực này thường xuyên nằm trong tình trạng khó khăn về vốn, phần lớn các doanh nghiệp (90%) đều là doanh nghiệp vừa và nhỏ với số vốn dưới 5 tỷ đồng. Số liệu năm 2003 cho thấy, bình quân vốn của một hội phi nông nghiệp ít hơn 30 triệu đồng, của trang trại là 94 triệu đồng, của một doanh nghiệp phi nông nghiệp là 3,7 tỷ đồng. Trong khi đó, vốn vay từ các ngân hàng thương mại và quỹ hỗ trợ phát triển còn ít và chiếm tỷ trọng thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Xét theo khu vực tỉnh, thành phố thì vốn đăng ký mới ở tất cả các tỉnh, thành phố từ năm 2000 đến 7/2003 đều cao hơn so với số vốn đăng ký thời kỳ 1991 - 1999, trong đó có 33 tỉnh, thành phố đạt tốc độ tăng cao gấp hơn 4 lần; có 11 tỉnh đạt tốc độ tăng cao gấp 10 lần, thậm chí có những tỉnh như: Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên... đạt tốc độ tăng hơn 20 lần. Xét về tỷ lệ gia tăng, vốn đăng ký mới ở các tỉnh, thành phố phía bắc cũng tăng nhanh hơn và cao hơn nhiều so với các tỉnh khác, nhất là các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung.

Xét về quy mô doanh nghiệp thì thấy quy mô doanh nghiệp ngày càng lớn. Thời kỳ 1991 - 1999 vốn đăng ký kinh doanh bình quân của một doanh nghiệp là gần 0,57 tỷ đồng, năm 2000 là 0,96 tỷ đồng, năm 2001 là 1,3 tỷ đồng, năm 2002 là 1,8 tỷ đồng 7 tháng đầu năm 2003 là 2,12 tỷ đồng. Doanh nghiệp có vốn đăng ký

thấp nhất là 5 triệu đồng và cao nhất là 200 tỷ đồng. Nhìn chung, số vốn đăng ký cao nhất phổ biến ở các địa phương khoảng 10 tỷ đồng. Ở Quảng Nam, mức vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp thấp nhất 422 triệu đồng, tiếp đó là Nam Định 544 triệu đồng, mức vốn đăng ký bình quân doanh nghiệp cao nhất ở Hưng Yên gần 3 tỷ đồng, tiếp đó là Quảng Ninh và Bình Dương gần 2,5 tỷ đồng; mức vốn đăng ký bình quân doanh nghiệp ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là vào khoảng 1,25 tỷ đồng.

Xét về lao động thì thấy nước ta có lực lượng lao động dồi dào mỗi năm có khoảng 1,4 triệu - 1,5 triệu người tham gia thị trường lao động cho nên vấn đề giải quyết việc làm luôn luôn được đặt ra nhằm đảm bảo cho sự phát triển của kinh tế nói riêng và của đất nước nói chung. Thực tế ở nhiều địa phương cho thấy, lao động trong khu vực kinh tế tư bản tư nhân là 21.017.326 người, chiếm 56,3% lao động có việc làm thường xuyên trong toàn xã hội (số liệu năm 2000). Riêng trong lĩnh vực phi nông nghiệp, số lao động thuộc kinh tế tư bản tư nhân là 4.643.844 người năm 2000, tăng 20,12% so với năm 1996. Tính riêng trong 4 năm (1997 - 2000) khu vực kinh tế tư bản tư nhân thu hút thêm 997.000.000 lao động, gấp 6,6 lần so với khu vực kinh tế Nhà nước và từ năm 2000 - 2003, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã tạo ra gần 2 triệu chỗ việc làm mới cho lao động. Từ khi có luật khuyến khích đầu tư trong nước đã thu hút và tạo việc làm cho 1.516.456 lao động. Theo đó, các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân đầu tư trung bình 70 triệu đến 100 triệu đồng là tạo ra được một chỗ làm việc, trong đó đối với doanh nghiệp Nhà nước thì số tương ứng là 210 - 280 triệu.

## **2. Phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân theo ngành nghề sản xuất kinh doanh và theo vùng lãnh thổ**

### ***a. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nông thôn***

Nông nghiệp nông thôn chiếm một tỷ lệ lớn trong dân số khoảng 80% và 70% lực lượng lao động xã hội. Đây là nơi cung cấp lương thực, thành phẩm, cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời là thị trường tiêu thụ sản phẩm quan trọng của công nghiệp và nhiều ngành kinh tế khác. Chính sự ổn định và phát triển vững chắc của khu vực này là điều kiện vô cùng quan trọng cho việc ổn định kinh tế xã hội của đất nước. Giai đoạn trước đổi mới, chúng ta có 16.743 hợp tác xã nông



nghiệp và hàng trăm nông trường quốc doanh được Nhà nước đầu tư hỗ trợ vật chất tinh thần nhưng vẫn không đảm bảo được an ninh lương thực cho đất nước, nguồn nguyên liệu đầu vào. Cùng với những yếu kém của khu vực công nghiệp và các ngành kinh tế khác của đất nước, chúng ta đã lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng vào cuối những năm 70 và đầu những năm 80. Sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (4/1986), nông nghiệp Việt Nam đã có bước khởi sắc mới từ nạn thiếu đói triền miên vươn lên đảm bảo đủ lương thực trở thành nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới (đứng thứ 2 sau Thái Lan). Thật vậy, nếu năm 1990 số lượng các hộ cá thể khoảng trên 9,4 triệu hộ thì đến 1995 đã lên tới 11,9 triệu hộ hoạt động trên 9000 xã trong khắp mọi vùng sinh thái. Dưới tác động của thị trường và quy luật vận động nội tại của hoạt động kinh tế trong nông thôn đã và đang tồn tại nhiều loại hình kinh tế hợp tác với trình độ khác nhau xuất phát từ nhu cầu phát triển của các hộ xu hướng hợp tác liên kết để hỗ trợ nhau "đầu vào, đầu ra" giữa các hộ hiện nay khá mạnh mẽ. Do nhu cầu hợp tác giữa các hộ trong việc tìm kiếm thị trường đã trở lên cấp bách và đang rất cần có sự hướng dẫn hỗ trợ từ phía các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Bên cạnh những điều đạt được sự phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp cũng đặt ra các vấn đề cần giải quyết. Trước hết, đa số các hộ cá thể tiểu chủ bình quân ruộng đất quá bé, quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất để hình thành những trang trại sản xuất hàng hoá quy mô lớn là khó khăn, chậm chạp. Trong khi đó tốc độ tăng dân số lại quá nhanh, nhanh hơn nhiều so với mức đất khai hoang được cho nên dẫn đến việc bình quân ruộng đất đầu người ít. Hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành mặc dù có sửa đổi nhiều lần nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa thực sự tạo điều kiện cho kinh tế cá thể phát triển mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung trong cơ chế thị trường. Đồng thời, khu vực kinh tế tư bản tư nhân phát triển rất không đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Theo số liệu thống kê năm 1995 của Ban kinh tế Trung ương cho thấy 95% số doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân tập trung ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ. Trong khi đó ở vùng duyên hải miền Trung là 10,1% và đồng bằng sông Hồng là 18%. Năm 1997 trong tổng số 29002 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân thì 18.728 doanh

ng nghiệp tập trung ở miền Nam chiếm tới 75%, trong khi miền Bắc chỉ có 4.187 doanh nghiệp chiếm 17% và miền Trung có 2.087 doanh nghiệp 8%. Doanh nghiệp phát triển nhanh trong tất cả các ngành và ở khắp các địa phương đã tạo ra cơ hội phân công lại lao động giữa các khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất kinh doanh nhỏ của hộ gia đình là khu vực lao động có năng suất thấp, thu nhập không cao, chiếm số đông, thiếu việc làm song khu vực doanh nghiệp, nhất là công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao và thu nhập khá lớn. Thực tế từ năm 2000 - 2002 mỗi năm có 700 nghìn lao động được tuyển dụng vào khu vực doanh nghiệp chiếm khoảng 50% lao động được giải quyết có việc làm hàng năm, đây chính là giải pháp tích cực nhất để thực hiện chuyển dịch lao động nông nghiệp từ gần 70% hiện nay xuống còn 56 - 57% vào cuối năm 2005.

***b. Trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại***

- Về quy mô lao động và vốn: Nhìn chung các hộ cá thể tiểu chủ có quy mô nhỏ khoảng 1-2 lao động/hộ. Xét về vốn thì khó có thể xác định mức bình quân chung vì nhiều loại ngành nghề có nhu cầu vốn khác nhau nhưng nhìn chung là thấp: mức bình quân mỗi Công ty trách nhiệm hữu hạn có số lao động là 43 người và số vốn trên 1 lao động là 50 triệu đồng; doanh nghiệp tư nhân là 13,5 lao động và 23,5 triệu đồng/1 lao động. Xét theo ngành thì ngành công nghiệp khai thác có số lao động bình quân trong 1 doanh nghiệp là cao nhất 564 lao động nhưng số vốn cho 1 lao động lại thấp khoảng 1 triệu đồng. Tại thời điểm 1/1/2003, bình quân một doanh nghiệp chỉ có 74 lao động và 22,9 tỷ đồng tiền vốn; so với năm 2000 là 83 người và 26 tỷ đồng vốn, đây là số liệu điều tra bình quân chung của các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế. Nếu nói riêng về thành phần kinh tế tư bản tư nhân thì quy mô còn nhỏ hơn nhiều, có những doanh nghiệp tư nhân có thể gọi là siêu nhỏ với vốn hoạt động khoảng vài ba chục triệu, lao động từ 5-7 người, mặt bằng sản xuất kinh doanh không có, có khi còn phải lấy nhà ở, sân, vườn làm văn phòng và nơi sản xuất. Theo điều tra, khu vực kinh tế tư bản tư nhân bình quân một doanh nghiệp chỉ có 31 lao động, và 4 tỷ đồng tiền vốn; bằng 7,4 về lao động và 2,4% về vốn so với doanh nghiệp tư nhân và bằng 10,3% về lao động và 2,9% về vốn so với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Về doanh thu và nộp ngân sách: doanh thu sản xuất kinh doanh của hộ cá thể tiêu chủ nhìn chung không lớn và cũng khó xác định bởi tính đa dạng của ngành nghề, khu vực khác nhau doanh thu vào khoảng một vài cho đến vài cho đến 4,5 triệu đồng/hộ/tháng. Tính chỉ tiêu tỷ lệ thu trên tổng thu ngân sách địa phương ở 1 số địa phương thì thấy rõ sự đóng góp của khu vực kinh tế tư bản tư nhân : thành phố Hồ Chí Minh chiếm 15%, Đồng Tháp 16%; Ninh Bình 19%...

Để hiểu rõ hơn về khu vực kinh tế tư bản tư nhân , ta đi tìm hiểu thêm về những đóng góp của khu vực kinh tế này vào sự phát triển nền kinh tế đất nước; đồng thời phát hiện những điểm hạn chế, nguyên nhân của nó. Từ đó có cái nhìn khách quan, toàn diện hơn về khu vực kinh tế tư bản tư nhân và nêu ra được một số giải pháp nhằm khắc phục những yếu kém trên.

### **3. Các kết quả đạt được, các yếu kém cần khắc phục**

#### **3.1. Các thành tựu chủ yếu**

*\* Khả năng huy động vốn và tỷ trọng đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân tăng một cách đáng kể.*

Theo số liệu ước tính, tỷ trọng đầu tư của dân cư và doanh nghiệp trong tổng đầu tư toàn xã hội đã tăng từ 20% năm 2000 lên 23% năm 2001 và 27% năm 2003. Tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước liên tục tăng và đã vượt lên hơn hẳn tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước. Số liệu đã chứng minh cho ta thấy tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp dân doanh trong tổng đầu tư toàn xã hội tương ứng là 2000 là 19,5%/ 18,25% năm 2001 là 23,5%/19,3%; năm 2002 là 25,9%/16,87% năm 2003 là 26,73%/17,74%. Vốn đầu tư của doanh nghiệp dân doanh đã đóng vai trò quan trọng, thậm chí là nguồn vốn đầu tư chủ yếu đối với phát triển kinh tế địa phương. Ví dụ đầu tư của các doanh nghiệp dân doanh năm 2002 ở thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 38% tổng số vốn đầu tư toàn xã hội; cao hơn tỷ trọng của vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước và ngân sách Nhà nước gộp lại (36,5%). Đặc biệt là, khác với đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ thực hiện ở 15 tỉnh, thành phố thì đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước đã được thực hiện ở tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước và đang có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây do những đổi mới về thủ tục thành lập doanh nghiệp, những khuyến khích để thúc đẩy sự hình thành các doanh nghiệp. Ước tính cứ đầu tư vào cùng một lĩnh vực thì khu vực kinh tế tư bản tư nhân sử dụng vốn ít hơn khu vực

kinh tế Nhà nước 0,1 lần nhưng lại sử dụng lao động xã hội nhiều hơn khu vực kinh tế Nhà nước là 1,25 lần.

Chính sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước sẽ thúc đẩy mọi thành viên trong xã hội nỗ lực đầu tư, năng động trong việc khai thác mọi nguồn lực làm ra của cải đáp ứng nhu cầu cho mình và đóng góp cho xã hội. Ngoài việc khuyến khích đầu tư vốn của tư nhân vào kinh doanh thì sự phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân còn giải quyết một số lượng lớn việc làm cho người lao động. Việc tạo thêm công ăn việc làm mới không chỉ giải quyết vấn đề kinh tế, mà còn giải quyết các vấn đề xã hội, vấn đề ổn định và phát triển của nước ta hiện nay. Nước ta hàng năm có khoảng 1,2 triệu - 1,4 triệu người đến tuổi lao động trong khi đó tỷ lệ thất nghiệp khá cao khoảng dưới 7% là một thách thức không nhỏ của Nhà nước trong việc giải quyết đủ công ăn việc làm cho người lao động để họ có thể ổn định cuộc sống. Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển (chủ yếu do kinh tế tư bản tư nhân) sẽ giải phóng lực lượng lao động chuyển sang các ngành nghề khác trong công nghiệp, dịch vụ, từ đó hình thành cơ cấu lao động hợp lý giữa các ngành, các vùng theo hướng hiện đại, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2010 chỉ còn 50% lao động nông nghiệp mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra lao động trong khu vực kinh tế tư bản tư nhân là 21.017.326 người chiếm 56,3% lao động có việc làm thường xuyên trong toàn xã hội (số liệu năm 2000), riêng trong lĩnh vực phi nông nghiệp là 4.643.844 người tăng 20,12% so với năm 1996. Thực tế ở nhiều địa phương cho thấy, 1 ha trồng lúa chỉ giải quyết được khoảng 5 lao động (gồm 2 thường xuyên và 3 thời vụ) và có doanh thu khoảng 20 - 25 triệu đồng/năm; 1 ha trồng cây lâu năm cho doanh thu khoảng 40 - 50 triệu đồng. Trong khi đất phục vụ phát triển cây công nghiệp có thể sử dụng hàng chục đến hàng trăm lao động thường xuyên với thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/năm. Với số liệu trên, ta có thể thấy được doanh lợi thu được từ việc trồng cây công nghiệp cao hơn nhiều so với trồng lúa. Vì thế, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với tình hình thực tế thời tiết cho doanh thu cao là việc hết sức cần thiết.

Theo kết quả sơ bộ tình hình thực hiện khuyến khích đầu tư trong nước cho thấy, trong 9 năm thực hiện đã có trên 1,5 triệu lao động được làm trong các dự án

thực hiện theo luật. Riêng khu vực kinh tế dân doanh tạo ra hơn 1 triệu việc làm trực tiếp và hàng nghìn lao động gián tiếp, đưa tổng số lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp dân doanh xấp xỉ bằng tổng số lao động trong các doanh nghiệp Nhà nước và đưa tổng số lao động làm việc trong doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư bản tư nhân lên hơn 7 triệu người.

*\*Kinh tế tư bản tư nhân đóng góp vào nguồn thu ngân sách và thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng.*

Đóng góp của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân vào ngân sách Nhà nước đang có xu hướng tăng lên từ khoảng 6,4% năm 2001 lên 7,4% năm 2002 (tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 5,2% và 6%; của doanh nghiệp Nhà nước là 21,6% và 23,4%). Thu từ thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh năm 2002 đạt 103,6% kế hoạch và tăng 13% so với năm 2001. Năm 2003: số thu từ doanh nghiệp dân doanh chiếm khoảng 15% tổng số thu, tăng 29,5% so với cùng kỳ các năm trước.

Với cơ chế chính sách kinh tế khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất kinh doanh, khu vực kinh tế tư bản tư nhân phát triển mạnh cả về số lượng, vốn đầu tư đến quy mô hoạt động, đã góp phần không nhỏ vào việc phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong 8 tháng đầu năm 2004, giá trị sản xuất công nghiệp ở một số địa phương tăng tốc độ cao như Hà Nội 25,8%; Hải Phòng là 23%; Cần Thơ 50,3%. Doanh nghiệp tư nhân hiện nay đang chiếm một phần không nhỏ trong hầu hết các ngành công nghiệp chủ yếu: chiếm 50% giá trị công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp giấy bìa; 30% công nghiệp may mặc... Đến nay, doanh nghiệp tư nhân trong công nghiệp chiếm 26,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, tăng 1,85 điểm phần trăm so với số thực hiện ở thời điểm cuối tháng 12 năm 2002, và 4 điểm phần trăm so với kết quả đạt được vào cuối năm 2000.

*\* Thúc đẩy việc hình thành các chủ thể kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý theo hướng thị trường tạo sự cạnh tranh trong nền kinh tế.*

Trong giai đoạn hiện nay, trừ một số lĩnh vực ngành nghề mà Nhà nước độc quyền, kinh tế tư bản tư nhân không được kinh doanh, còn lại hầu hết các ngành nghề khác kinh tế tư bản tư nhân đều tham gia. Thực tiễn cho thấy nhiều lĩnh vực

mà kinh tế tư bản tư nhân không những phát triển mà còn chiếm ưu thế áp đảo như sản xuất lương thực thực phẩm, nuôi trồng thủy sản... và với các mặt hàng như gạo, các chế phẩm từ nông nghiệp đã mang về hàng tỷ đô la cho nền kinh tế. Tuy nhiên đang đặt ra vấn đề cần xem xét là vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước trong những ngành nghề mà khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã tham gia và chiếm tỷ trọng lớn. Chính sự phát triển phong phú và đa dạng các cơ sở sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã tác động mạnh đến các doanh nghiệp Nhà nước buộc khu vực kinh tế Nhà nước phải cải tổ, sắp xếp lại, đầu tư đổi mới, công nghệ và phương thức kinh doanh để tồn tại và đứng vững trong cơ chế thị trường. Qua đó, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các khu vực kinh tế làm cho nền kinh tế trở nên năng động, đồng thời tạo sức ép lớn buộc cơ chế quản lý hành chính của Nhà nước phải đổi mới đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của các doanh nghiệp nói riêng và của nền kinh tế nói chung.

*\* Tạo nên sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, thực hiện dân chủ hoá kinh tế, kích thích và thúc đẩy sản xuất phát triển.*

Khu vực kinh tế tư bản tư nhân phát triển đa dạng về hình thức sở hữu với các trình độ xã hội hoá về sở hữu, về quản lý và về phân phối tạo nên sự phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở các ngành, các lĩnh vực sản xuất. Từ đó tạo ra khả năng huy động rộng rãi tiềm năng nguồn lực, động lực trong toàn xã hội để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều của cải làm giàu cho mình và cho đất nước khắc phục tình trạng trì trệ trong nền kinh tế tập trung, bao cấp trước đây. Các loại hình tổ chức của kinh tế tư bản tư nhân được tự do phát triển, Nhà nước còn tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, được luật pháp bảo hộ và là biểu hiện dân chủ hoá đời sống kinh tế trong xã hội ta. Cho nên, nó thúc đẩy và phát huy tính năng động, nhạy bén, cần cù sáng tạo của quần chúng nhân dân trong lao động và sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển, góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại. Mặt khác, quá trình dân chủ hoá đời sống kinh tế được mở rộng nói trên sẽ tác động và đòi hỏi sự cải tiến về tổ chức, quản lý của Nhà nước theo hướng hiện đại, văn minh, tiến bộ, cũng như thúc đẩy, nâng cao đời sống văn hoá, dân trí và tinh thần trong toàn xã hội.

**b.** Những tồn tại yếu kém:

- *Những năm vừa qua ở Việt Nam, khu vực kinh tế tư bản tư nhân chủ yếu phát triển theo bề rộng mà điển hình là tăng thêm số lượng doanh nghiệp.*

Sự thay đổi quy mô và trình độ công nghệ không đáng kể thậm chí có xu hướng giảm xuống. Đa phần các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ nên khả năng cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường, chống đỡ, vượt qua những biến động, rủi ro, bất chắc trong sản xuất kinh doanh bị hạn chế. Hiện có tới 87,2% doanh nghiệp tư nhân có mức vốn dưới 1 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp có mức vốn dưới 100 triệu đồng chiếm tới 29,4%. Chỉ có 1% số doanh nghiệp có mức vốn trên 10 tỷ đồng và 0,1% có mức vốn trên 100 tỷ đồng. Hầu hết các doanh nghiệp đều khởi sự hoàn toàn bằng vốn tự có của mình, có vay nhưng số tiền vay là ít. Ngân hàng thì luôn trong tình trạng chần chừ doanh nghiệp đến vay vốn đầy đủ các điều kiện về tài sản thế chấp chứ không phải là tìm phương án kinh doanh có hiệu quả để cho vay. Mặt khác, bản thân doanh nghiệp cũng có những hạn chế nhất định trong việc tiếp cận các nguồn vốn tiếp cận thông tin, thành lập doanh nghiệp dựa trên kinh nghiệm chứ chưa tính toán đầy đủ nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ. Đồng thời còn là tình trạng kế toán của Doanh nghiệp không minh bạch, báo cáo tài chính không đầy đủ, doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo tiền vay, rủi ro tín dụng lớn, gặp nhiều khó khăn trong việc hưởng tín dụng ưu đãi bởi vì không đủ hiểu biết về thủ tục vay và hoàn thiện hồ sơ vay.

- *Máy móc thiết bị lạc hậu và nguồn nhân lực - còn nhiều hạn chế.*

Phần lớn các cơ sở sản xuất thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân đều sử dụng máy móc thiết bị lạc hậu từ 2 đến 3 thế hệ. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đại đa số đều mua lại của các doanh nghiệp Nhà nước thanh lý, nhiều máy móc ra đời từ những năm đầu của thế kỷ XX, như vậy sự lạc hậu có thể lên tới hàng trăm năm, chỉ ít cũng là năm, bảy chục năm. Phần lớn các hộ kinh doanh cá thể sử dụng phương thức sản xuất truyền thống với các công cụ thủ công và bán cơ khí. Đối với các doanh nghiệp tư nhân và các hợp tác xã đã sử dụng máy móc với tỷ lệ cơ khí hoá đạt 40,6%. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy trình độ công nghệ, chất lượng máy móc thiết bị ở nhiều cơ sở vẫn còn thấp kém không thể đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển.

Thêm vào đó, chất lượng nguồn nhân lực thấp. Ở khu vực kinh tế này, số lao động không được đào tạo chiếm từ 55 - 75%. Với số lao động không được đào tạo chiếm quá nửa nên cũng gây nhiều trở ngại cho các doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư bản tư nhân tiếp cận với khoa học và công nghệ mới, cũng như giảm năng suất lao động và hiệu suất công việc. Theo số liệu thống kê thì khu vực kinh tế tư bản tư nhân có số người lao động có trình độ đại học trở lên chỉ chiếm 5,13%, số chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng trở nên chiếm 31,2%, trong tổng số các chủ doanh nghiệp có tới 46,4% số chủ doanh nghiệp không có bằng cấp chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh của mình. Với cơ cấu cán bộ quản lý như vậy, tuyệt đại bộ phận doanh nghiệp tư nhân không có tầm nhìn dài hạn trong kinh doanh, sự kém hiểu biết về pháp luật, sự chi phối của thị trường dẫn đến phương pháp kinh doanh ngắn hạn, phi vụ trong kinh doanh là khó tránh khỏi. Đó là mặt hạn chế không dễ khắc phục một sớm, một chiều và điều này ảnh hưởng lớn đến kinh doanh của khu vực kinh tế tư bản tư nhân.

*- Thiếu mặt bằng sản xuất và mặt bằng sản xuất không ổn định.*

Thêm nữa, chính sách tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp còn nhiều bất cập như thủ tục phiền hà. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất còn chậm nên nhiều khi làm mất cơ hội kinh doanh; cộng với sự phân biệt đối xử trong việc giao đất của Nhà nước cho các doanh nghiệp cũng như cho thuê đất với các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân cũng gây bất lợi và thiệt thòi cho khu vực kinh tế tư bản tư nhân. Rất ít doanh nghiệp có được mặt bằng sản xuất ngay từ khi mới thành lập mà thường phải đi thuê hoặc tận dụng đất ở, chính điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh.

*- Thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm là vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư bản tư nhân.*

Do ảnh hưởng từ nguồn lao động ít được đào tạo, công nghệ thiết bị lạc hậu nên sản phẩm làm ra không có sức cạnh tranh trên thị trường, cả thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đặc biệt là những sản phẩm cơ khí có yêu cầu độ chính xác cao. Hầu hết các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này mua nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trên thị trường địa phương chủ yếu dựa vào mạng lưới quan hệ cá nhân và khả năng tiếp cận thị trường của hộ cá thể tiêu chủ.



Vả lại, công tác xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu sản phẩm gặp nhiều hạn chế bởi quy mô nhỏ, sản lượng sản phẩm làm ra không nhiều, chi phí cho mỗi lần tham gia các cuộc triển lãm giới thiệu sản phẩm, thương hiệu cũng là lớn cho nên nhiều cơ sở sản xuất ra không có đủ khả năng kinh tế để tham gia mà đã bỏ lỡ cơ hội quảng bá thương hiệu sản phẩm của mình tới người tiêu dùng cũng như với những hợp đồng tiêu thụ. Việc xúc tiến thương mại ở trong nước còn khó khăn thì việc tham gia tại các hội triển lãm ở nước ngoài để tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu là một ước mơ thật xa vời đối với nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh của loại hình kinh tế tư bản tư nhân .

*- Sự phát triển của kinh tế tư bản tư nhân có tốc độ cao nhưng không đều.*

Nó được thể hiện ở khía cạnh là giữa các vùng, địa phương, giữa các lĩnh vực hoạt động và các loại hình doanh nghiệp. Ở các vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng tập trung hàng ngàn doanh nghiệp tư nhân thì ở các vùng miền núi Trung Du và Tây Nguyên mỗi nơi chỉ có khoảng 500 - 700 doanh nghiệp. Lĩnh vực thương nghiệp và dịch vụ đã chiếm hơn một nửa trong tổng số doanh nghiệp tư nhân và 2/3 số doanh thu thuộc thành phần kinh tế này. Dù pháp luật có quy định quyền bình đẳng của các thành phần kinh tế; song trên thực tế, kinh tế tư bản tư nhân vẫn bị hạn chế trong việc tiếp cận một số lĩnh vực hoạt động như xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng.

*- Những tồn tại từ chủ trương chính sách và từ cơ quan công quyền ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế tư bản tư nhân Việt Nam.*

Các nhà kinh tế tư bản tư nhân chưa yên tâm đầu tư và phát triển lâu dài vì có tình trạng sân chơi không bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Dù chính sách chung là bình đẳng giữa các thành phần kinh tế nhưng trên thực tế, trong con mắt của các quan chức, công chức ở các cơ quan công quyền vẫn phân biệt đối xử với các doanh nghiệp dân doanh. Với cơ chế tiền kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật thì có quá nhiều điều kiện để kiểm tra và thanh tra doanh nghiệp. Có không ít cuộc kiểm tra, thanh tra trái pháp luật đã gây tổn hại đến sự phát triển của doanh nghiệp và làm giảm sút lòng tin của các doanh nghiệp vào các cơ quan Nhà nước. Đặc biệt là chính sách kinh tế không ổn định, các văn bản ban hành ra liên tục thay đổi và bổ sung, nội dung có xu hướng bảo vệ sự

an toàn và mang lợi ích cục bộ của cơ quan ban hành, không xuất phát từ lợi ích chung của nền kinh tế, giá cả các dịch vụ công như điện, nước, cước phí viễn thông vào loại đất trên thế giới ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của nhiều doanh nghiệp. Cải cách hành chính đang còn là vấn đề rất phức tạp. Nguyên nhân chính là nhận thức về nội dung cải cách hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương còn rất khác nhau, nên thực hiện chưa được tốt gây khó khăn cho nhà đầu tư khi giải quyết các thủ tục liên quan đến quá trình đầu tư của họ. Chẳng hạn thủ tục hành chính trong thuê đất, giao đất theo hướng "một đầu mối" đến nay vẫn chỉ là ý tưởng. Nhiều nhà đầu tư phải chờ đợi, chạy vòng vào nhiều thủ tục phức tạp, thời gian hoàn thành tốt thủ tục kéo dài hơn 1 năm, thậm chí có trường hợp phải chờ đợi tới 2 năm trong khi theo quy định của Nhà nước chỉ có 2 tháng. Đặc biệt trong thời đại khoa học kỹ thuật thông tin như hiện nay thì nguồn thông tin kịp thời, đúng lúc luôn là cơ sở quan trọng để các nhà kinh doanh thực hiện đầu tư. Nhưng trên thực tế, thông tin đến các doanh nghiệp là rất chậm và hoàn toàn không có những quy định từ Nhà nước trong việc cung cấp thông tin cho các giám đốc doanh nghiệp nhằm giúp họ biết lựa chọn và xử lý những thông tin có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Điều đáng lưu tâm là thông tin quan trọng thiếu thường là thông tin về văn bản pháp luật mới ban hành, thông tin về thị trường, về kinh tế xã hội.

*- Tình trạng không chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm luật pháp của Nhà nước là biểu hiện chủ yếu của kinh tế tư bản tư nhân .*

Nhiều doanh nghiệp không thực hiện đúng nguồn vốn vào sổ sách kế toán, việc tăng giảm vốn còn tùy tiện, khai báo doanh thu không đúng. Còn có trường hợp doanh nghiệp kinh doanh không đúng mặt hàng đã đăng ký, trong hoạt động kinh doanh vì chạy theo lợi nhuận nên đã sản xuất hàng giả, thành lập các công ty ma để trốn thuế. Với rất nhiều thủ đoạn tinh vi, một số doanh nghiệp tư nhân đã gây sự mất ổn định trong kinh doanh làm ảnh hưởng tới nền kinh tế nói chung, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và khách hàng nói riêng.

Sự yếu kém hạn chế của mọi sự vật hiện tượng đều bắt nguồn từ nguyên nhân nào đó. Vì vậy, trong thực tế việc nhìn nhận và đánh giá các thành phần kinh tế tư

bản tư nhân để đưa ra các chính sách phù hợp phải căn cứ vào những nguyên nhân của việc hạn chế, yếu kém đó.

#### **4. Nguyên nhân của yếu kém, hạn chế trên**

Nguyên nhân sự yếu kém của doanh nghiệp thì có nhiều nhưng tập trung lại hình thành 3 nhóm nguyên nhân chính.

##### **4.1. Vẫn có sự phân biệt đối xử với khu vực kinh tế tư bản tư nhân**

Một yếu tố không thể không nói tới là các nhà kinh doanh tư nhân vẫn còn tâm lý dè dặt trong đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân của sự lo ngại chính xuất phát từ những biến cố trong lịch sử chính sách phát triển kinh tế của đất nước. Tư duy của thể chế kế hoạch hoá tập trung vẫn còn tồn tại với nhiều bất cập đó là sự không công nhận kinh tế thị trường, không công nhận kinh tế tư bản tư nhân đã chi phối một số cán bộ lập cơ chế chính sách, luật pháp cũng như hoạt động thực tiễn của bộ máy Nhà nước. Điển hình cho ví dụ về sự đối xử không công bằng giữa các thành phần kinh tế là giữa doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân có sự khác nhau về thủ tục vay vốn ở ngân hàng. Doanh nghiệp Nhà nước có lợi thế hơn trong thủ tục cũng như điều kiện vay dễ dàng hơn, không phải thế chấp, việc thuê đất dễ dàng, tiếp cận tín dụng ưu đãi của chính phủ dễ hơn.

##### **4.2. Những nguyên nhân từ cơ chế chính sách**

Hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô thiếu đồng bộ và nhất quán tạo ra sự bất hợp lý cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân .

- **Về chính sách đất đai:** Cho dù luật đất đai được ban hành từ rất sớm là từ năm 1993 nhưng việc triển khai các văn bản dưới luật nhằm cụ thể hoá luật còn chậm, gây nhiều băn khoăn trong thực hiện. Luật đã quy định tổng thể 5 quyền đối với những việc sử dụng các quyền đó như thế nào vẫn chưa được giải quyết rõ ràng trong các quy định gây nên tình trạng vô nguyên tắc "móc ngoặc", hối lộ trong các cơ quan và cán bộ quản lý.

- **Về chính sách thuế:** Chúng ta đã có cải tiến và đổi mới thể hiện ở việc áp dụng thuế giá trị gia tăng từ ngày 1/1/1999 nhưng nhìn chung, chính sách thuế còn phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, ưu đãi đầu tư nước ngoài hơn là đầu tư tư nhân trong nước. Chính đó là nguyên nhân làm giảm sút lòng tin của chủ đầu tư tư nhân, không kích thích lòng nhiệt tình của họ. Thêm nữa là việc ưu đãi thuế

tràn lan và một số khoản thu chưa hợp lý, lý do ưu đãi chung chung như tạo động lực sản xuất, cải thiện môi trường đầu tư và tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp; trong khi đó căn cứ chủ yếu nhất để thể hiện ưu đãi là luận chứng cơ cấu theo hướng ưu tiên ngành vùng lại bị bỏ qua. Vì thế, chưa định hướng phát triển kinh tế tư bản tư nhân trong cơ cấu ngành và lĩnh vực kinh doanh phù hợp với mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- **Về chính sách tiền tệ và tín dụng:** Theo phản ánh của nhiều địa phương, cho đến nay thủ tục, hồ sơ cấp tín dụng ưu đãi vẫn còn rườm rà phức tạp, quy trình xét cấp kéo dài do phải đi qua nhiều đầu mối, một số quy định về thủ tục không thiết thực đối với doanh nghiệp. Việc phải có tài sản thế chấp làm cho nhà đầu tư, đặc biệt là chủ doanh nghiệp khó tiếp cận đến nguồn tín dụng của Quỹ hỗ trợ phát triển.

- **Về chính sách thương mại và xuất khẩu:** Tuy theo đuổi mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu nhưng chính sách thương mại chưa định hướng được cơ cấu xuất nhập khẩu có triển vọng lâu dài, chưa làm tốt chức năng đưa ra căn cứ thị trường để hoạch định chính sách phát triển. Một số doanh nghiệp tư nhân tuy không trực tiếp xuất khẩu nhưng có tham gia sản xuất hàng xuất khẩu vẫn chưa nhận được sự khuyến khích thoả đáng về tín dụng, thuế. Vấn đề bảo hộ thị trường nội địa mặc dù là nghiệp vụ có quan hệ đến sự sống của nền công nghiệp nội địa đang non yếu nhưng chúng ta chưa có hướng giải quyết tổng thể rõ ràng, chưa có giải pháp đồng bộ và hữu hiệu.

- **Về cơ chế bộ máy thực thi chính sách:** Công tác quản lý chỉ đạo phát triển kinh tế tư bản tư nhân còn nhiều bất cập, có trường hợp gây khó khăn, phiền hà cho các doanh nghiệp. Về phía Nhà nước do nhiều đầu mối quản lý nên xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý, các cơ quan quản lý ý vào nhau đưa ra những yêu cầu cần thậm chí trái ngược nhau. Còn các cán bộ quản lý thì lợi dụng để sách nhiễu các doanh nghiệp gây ra tình trạng hồi lộ và sâu xa hơn thì các doanh nghiệp phải thực hiện hành vi trốn thuế, buôn lậu để trả cho các khoản phí không phải là nhỏ ấy. Năng lực của một số cán bộ còn thấp kém, có phẩm chất đạo đức tồi đã tiếp tay cho các nhà doanh nghiệp tư nhân lợi dụng làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Về cơ cấu quản lý thì thiếu sự phối hợp giữa kinh tế Nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân

trong một kế hoạch phát triển có bài bản ở tầm chiến lược. Trong phát triển kinh tế của ngành hầu như không tính đến khu vực kinh tế tư bản tư nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh và vai trò, vị trí của kinh tế tư bản tư nhân trong mỗi ngành, mỗi lĩnh vực chưa được xác định trong kế hoạch phát triển. Chức năng dẫn dắt khu vực kinh tế tư bản tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa của khu vực kinh tế nhà nước mờ nhạt, thậm chí còn có tình trạng doanh nghiệp Nhà nước chèn ép lấn át kinh tế tư bản tư nhân để dành nhiều thuận lợi cho mình.

#### **4.3. Nguyên nhân thuộc về bản thân doanh nghiệp**

Do các Doanh nghiệp lúc mới thành lập còn nhỏ, quy mô vốn ít và phải mất vài năm để đạt tới quy mô lao động từ vài chục đến vài trăm người cho nên tình trạng thiếu vốn là phổ biến, đồng thời còn vấp phải những khó khăn về thị trường, bí quyết sản xuất, kinh doanh gây cản trở cho doanh nghiệp tăng quy mô. Thêm nữa, đội ngũ các nhà kinh doanh tư nhân ở Việt Nam chủ yếu được hình thành trong những năm 90. Vì vậy, họ còn thiếu kinh nghiệm về nhiều mặt, từ kỹ năng quản lý đến hiểu biết về công nghệ và thị trường. Khó khăn chính về nguồn nhân lực là thiếu cán bộ kỹ thuật như kỹ sư có trình độ và thợ lành nghề bậc cao. Vì thái độ của xã hội còn chưa thật sự coi trọng khu vực tư nhân nên nhiều người có trình độ cao ngại làm việc cho khu vực này.

Nói tóm lại, kinh tế tư bản tư nhân ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và phát triển vì thế cho nên non yếu về thực lực. Tình trạng này có thể dẫn đến nguy cơ: kinh tế tư bản tư nhân đang vào thế bất lợi trong cuộc cạnh tranh thị trường, nhất là trong điều kiện kinh tế "mở" mà đối thủ của chính họ là các công ty xuyên quốc gia với xu thế phát triển mạnh trong những thập niên gần đây. Việc khắc phục những tồn tại yếu kém trong hoạch định chủ trương, chính sách và giải pháp tổ chức quản lý vĩ mô của Nhà nước đến với khu vực kinh tế tư bản tư nhân góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho khu vực này phát triển một cách tốt nhất nhằm phát huy khả năng tối đa cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn mới.

## **II. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VỚI VAI TRÒ ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐIỀU TIẾT.**

### **1. Vai trò định hướng và điều tiết của chính sách phát triển**

Trong điều kiện kinh tế xã hội nước ta, mỗi quan hệ kinh tế và giai cấp xã hội được định hướng và điều tiết bởi chính sách và luật pháp của Đảng và Nhà nước. Chính sách của Đảng về phát triển kinh tế thị trường được đề ra từ Đại hội VI đã có quá trình liên tục hoàn thiện và đến đại hội lần IX của Đảng khẳng định rõ "Tiếp tục nhất quán sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh". Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX (2002) đã có bước nhất quán của chính sách trên hai điều rất quan trọng "bảo vệ lợi ích chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần đoàn kết tương thân tương ái" và "những Đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp tư nhân chấp hành tốt điều lệ của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước thì vẫn là Đảng viên của Đảng". Qua đó có thể thấy rõ sự tôi luyện phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân trong quan hệ hợp tác và đấu tranh nội bộ nhân dân, dân tộc để tạo động lực phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đảm bảo đưa chính sách vào đời sống xã hội, Nhà nước đã và đang xây dựng thực thi hệ thống luật kinh tế và kinh doanh nhằm thực thi chính sách của Đảng. Chính lẽ đó đã tạo động lực khuyến khích người dân kinh doanh hợp pháp theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Yêu cầu cơ bản đối với những người kinh doanh sản xuất là "tuân theo pháp luật", nếu làm trái luật sẽ có hình phạt xử lý nghiêm minh được quy định rõ trong các điều lệ của luật tùy theo từng mức độ cụ thể. Từ khi luật Doanh nghiệp được ban hành và thực thi, với những thay đổi trong việc áp dụng chế độ đăng ký kinh doanh thay cho chế độ xin phép đã khiến cho mọi người dân vững tin, rất hăng hái tự đăng ký, tự xưng danh trước pháp luật như một sự tăng đột biến bùng nổ được xã hội mong đợi. Chính nền pháp chế mới đang hình thành và thực hiện từng bước là công cụ định hướng tạo lập quan hệ mới, tạo khả năng đẩy lùi, loại trừ các nhân tố tiêu cực. Và từ đó mọi doanh nghiệp chịu sự giám sát không chỉ của Nhà nước mà còn của người lao động và toàn xã hội, các tổ chức chính trị và dân sự của công luận.

Mục tiêu cơ bản của các chính sách là vì con người, cho con người và do con người. Với công dân nước ta, quyền lao động, quyền có việc làm là điều cơ bản nhất của quyền công dân. Nhưng trên thực tế nạn thất nghiệp cao, nạn thừa người thiếu việc rơi vào lớp người đến tuổi ra trường vào đời. Cho dù mỗi năm Nhà nước tạo thêm trên 1 triệu việc làm mới nhưng lao động dư thừa vẫn rất lớn ở thành thị, còn ở nông thôn là thời gian nhàn rỗi nhiều. Điều đó cho thấy chính sách và môi trường xã hội chưa đủ sức tăng cầu lao động hay do thiếu khả năng nên Hiến pháp chưa thể đặt nhiệm vụ Nhà nước và xã hội đảm bảo quyền có việc làm của công dân, chưa có trợ cấp cho người thất nghiệp. Tuy đó thì mục tiêu con người luôn được đặt mục tiêu hàng đầu. Điều đó được thể hiện rõ nét trong đường lối, chính sách phát triển của Đảng; đặc biệt trong Hiến pháp quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân, thực hiện hình thức "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" để phát huy tối đa trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người. Chính phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã phần nào giải phóng sức sản xuất, thu hút thêm lao động, phát huy sức sáng tạo vô hạn của con người.

Vì những bất cập trên cơ sở các chính sách đã tồn tại cho nên vấn đề đặt ra là có nên đổi mới các chính sách hay không? và khi đổi mới thì đổi mới như thế nào? Để hiểu rõ hơn ta đi tìm hiểu tính tất yếu phải đổi mới cơ chế chính sách.

## **2. Tính tất yếu phải đổi mới cơ chế chính sách**

Bước vào thời kỳ phát triển mới của đất nước với quan điểm "công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mỗi thành phần kinh tế", kinh tế tư bản tư nhân trở thành một yếu tố năng động của nền kinh tế quốc dân và tồn tại lâu trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Do chiếm một vị trí khá quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước cần có một chiến lược để kinh tế tư bản tư nhân thực sự hoà nhập vào cộng đồng với tinh thần công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội. Với quá trình phát triển hiện đại của nền kinh tế, môi trường kinh doanh thay đổi thì không chỉ phải có các chính sách cơ chế của Đảng với kinh tế tư bản tư nhân mà phải tiếp tục thường xuyên đổi mới cơ chế chính sách cho phù hợp với tình hình mới. Chính vì vậy, đổi mới cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển thành phần kinh tế tư bản tư nhân trở nên cần thiết và tất yếu.

### CHƯƠNG III

## CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

### I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN

#### 1. Tính tất yếu khách quan của kinh tế tư bản tư nhân trong nền kinh tế thời kỳ quá độ

Đặc trưng của thời kỳ quá độ là thời kỳ cùng tồn tại lâu dài và đấu tranh chuyển hoá lẫn nhau giữa những yếu tố, thành phần bộ phận... của nền kinh tế cũ tư hữu với những yếu tố, thành phần, bộ phận... của nền kinh tế mới xây dựng, công hữu. Trong đó, kinh tế tư bản tư nhân là thành tố quan trọng, không thể thiếu của nền kinh tế thời kỳ quá độ Việt Nam. Sự tồn tại khách quan của kinh tế hàng hoá cùng với xu thế và đặc điểm thời đại về mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế là môi trường và điều kiện cho kinh tế tư bản tư nhân phát huy các ưu thế, hiệu quả của mình cho nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

Mặt khác, sự tồn tại và phát triển của khu vực tư nhân còn để huy động rộng rãi tiềm năng, nguồn lực trong toàn xã hội (vốn đầu tư, lực lượng lao động, tư liệu sản xuất, các ngành nghề...) cùng với kinh nghiệm quản lý, tính năng động, nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo của kinh tế tư bản tư nhân đã thúc đẩy nền sản xuất phát triển, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân lao động nhằm ổn định xã hội.

Đó chính là cơ sở nền tảng, là lý do cho sự phát triển của kinh tế tư bản tư nhân. Kinh tế tư bản tư nhân mới trong giai đoạn mở đường và phát triển cho nên đòi hỏi phải có một cơ chế và chính sách cho phù hợp. Với sự phát triển nhiều thành phần, khu vực kinh tế nhằm khuyến khích các thành phần cùng mở rộng sản xuất kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trên thị trường là hết sức cần thiết đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

#### 2. Tạo sự bình đẳng giữa các khu vực kinh tế

Một khi đã thừa nhận sự tồn tại và phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân là tất yếu khách quan, lâu dài thì phải đặt các khu vực kinh tế Nhà nước, tư



nhân, hỗn hợp có vị trí bình đẳng trước pháp luật. Sự bình đẳng được thể hiện: phải hoạt động kinh doanh tuân theo luật pháp, trong kinh doanh là đơn vị kinh tế độc lập, cùng cạnh tranh với nhau trên thị trường và cùng chịu sự chi phối của các quy luật thị trường. Mọi sự ưu tiên dành lợi thế cho khu vực này, hạn chế gây trở ngại cho khu vực kia là trái với yêu cầu của các quy luật khách quan, rốt cuộc sẽ gây thiệt hại cho nền kinh tế. Theo quan điểm này, các chính sách đầu tư (vốn, đất đai...) khuyến khích phát triển phải được thực hiện theo lĩnh vực, đối tượng đầu tư chứ không phải theo chủ thể đầu tư là ai (Nhà nước hay tư nhân, trong nước hay nước ngoài).

### **3. Nhà nước đóng vai trò điều tiết vĩ mô trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế**

Trước đây, Nhà nước hầu hết tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư bản tư nhân. Đó là thời kỳ bao cấp, tự cung, tự cấp, nền kinh tế sản xuất nhỏ, lẻ tẻ, đóng cửa. Nhưng khi thực hiện mở cửa kinh tế, Nhà nước không thể thực hiện bảo hộ hay chỉ đạo sản xuất như trước đây nữa vì môi trường kinh doanh mới có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, hàng hoá sản xuất ra phải chịu sự cạnh tranh. Lúc này, Nhà nước chỉ còn thực hiện lãnh đạo, điều hành ở tầm vĩ mô thông qua các cơ chế chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Kinh tế tư bản tư nhân đã, đang và sẽ phát triển với xu hướng liên tục mở rộng quy mô và nâng cao vai trò kinh tế tư bản tư nhân trong việc giải quyết những nhiệm vụ kinh tế xã hội chính trị quan trọng (thực hiện tiết kiệm đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; xu hướng hình thành nhiều triệu hộ kinh doanh và sớm xuất hiện một số doanh nghiệp tư nhân với quy mô lớn, sẽ phát triển nhiều Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh trong nước và nước ngoài). Đặc biệt là xu hướng mang tính xã hội hoá xã hội chủ nghĩa là phát triển quan hệ liên doanh liên kết, là hợp tác giữa các thành phần và loại hình doanh nghiệp, phát triển hợp tác xã kiểu mới và doanh nghiệp cổ phần.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG ĐỔI MỚI CƠ CẤU VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN**

Đổi mới tức là từ bỏ cái cũ, cái lỗi thời, cái lạc hậu và sáng tạo ra những cái mới. Có những cái lỗi thời, lạc hậu phải từ bỏ không luyến tiếc, song không phải vì thế mà thay ngay được cái mới, chấp nhận cái mới bởi vì cái mới đó phải đúng với quy luật, có tính công bằng, có khả năng cứu vãn tình hình và được xã hội chấp nhận và hợp lòng dân. Tiếp tục đổi mới có nghĩa là công cuộc đổi mới đã khởi phát từ trước, đã có một hành trình, nay hành trình đó đi vào giai đoạn mới.

**1. Hoạch định chiến lược và chính sách bảo đảm cho kinh tế tư bản tư nhân hoạt động theo đúng định hướng góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới.**

Với vai trò đưa ra đường lối và chính sách phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước luôn coi kinh tế tư bản tư nhân là bộ phận hữu cơ cấu thành lên nền kinh tế quốc dân, tồn tại và phát triển trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cần tạo một quan điểm nhất quán đối với kinh tế tư bản tư nhân trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, xoá bỏ những định kiến, thay đổi một cách căn bản đánh giá vai trò của các thành phần kinh tế. Trên cơ sở đó, Nhà nước tạo môi trường chính trị xã hội pháp lý và những điều kiện kinh tế để các nhà kinh doanh phát huy tối đa tiềm năng và nguồn lực của mình. Cần quán triệt sâu rộng quan điểm của Đảng và Nhà nước về kinh tế tư bản tư nhân cho mọi tầng lớp nhân dân lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là cho một số cán bộ lãnh đạo ở các địa phương để họ có được nhận thức rõ và coi việc phát triển kinh tế tư nhân là nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tập trung khuyến khích tư nhân đầu tư vào những ngành có lợi thế phát triển như công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản; những ngành nghề truyền thống như mây tre đan, thêu ren... Đối với các doanh nghiệp lớn, có tiềm năng về vốn và lao động, công nghệ thì khuyến khích họ liên kết với các doanh nghiệp khác để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, ví dụ như việc hình thành các tổng Công ty dệt may, tổng công ty hàng hải... Đứng về phía Nhà nước, Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế, hành chính, pháp lý để khắc phục sự độc quyền, tạo ra sự cạnh tranh công bằng nhằm ổn định tâm lý cho các chủ đầu tư yên tâm làm ăn lâu dài.

Kích thích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư ra nước ngoài, đầu tư vào các lĩnh vực sử dụng nhiều nhân lực, đầu tư vào các ngành xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát

triển kinh tế, đầu vào các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề có lợi xuất khẩu. Đồng thời, khuyến khích tăng cường, mở rộng các loại hình công ty TNHH, công ty Cổ phần để có điều kiện tích tụ và tập trung vốn mở rộng quy mô và đổi mới công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện hiện tại. Thêm vào đó, khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân ở nông thôn với quy mô ruộng đất hợp lý, nhằm tiến tới tập trung hoá sản xuất nông nghiệp, áp dụng kỹ thuật tiên tiến để tăng năng suất lao động, tạo nguồn nông sản dồi dào, ổn định cho đời sống xuất khẩu và cho công nghiệp chế biến.

## **2. Định hướng các giải pháp để khuyến khích sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong mối quan hệ với các khu vực khác.**

Nhà nước đưa ra các biện pháp khuyến khích sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân thông qua việc đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và biến đổi cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn hiện nay, sản phẩm làm ra không những bền mà phải đẹp thì mới đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng ở một thời điểm nhất định cho nên vấn đề đổi mới công nghệ luôn được đặt ra. Chính đó là nguyên nhân khiến đổi mới công nghệ là yếu tố cạnh tranh trên thương trường, là nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhưng để đổi mới được về công nghệ thì phải có một số điều kiện, cụ thể là hai yếu tố là vốn và lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề. Chính vì lẽ đó, việc đưa ra chính sách hợp lý để giúp doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi sản xuất kinh doanh là hết sức cần thiết và cấp bách. Chúng ta đang ở trong thời kỳ bùng nổ thông tin, vì đó cho nên thông tin là nguồn tư liệu hết sức quý giá cho việc quyết định đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà nước nên tạo điều kiện cho các chủ doanh nghiệp tư nhân tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng, kịp thời, chính xác và không chỉ là việc cập nhật các đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước mà còn các thông tin về thị trường trong và ngoài nước.

Nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta là một hệ thống nhất trong sự đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình kinh tế, trong đó, mỗi thành phần kinh tế có thể phát triển trong mối quan hệ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác. Mà kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nên phải là người tổ chức

tăng cường các mối liên hệ giữa kinh tế tư bản tư nhân với kinh tế Nhà nước và các thành phần kinh tế khác. Hiện nay, để nâng cao tính cạnh tranh của các doanh nghiệp Nhà nước, chúng ta đang thực hiện việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước nhằm tăng cường thu hút vốn, tăng sự độc lập tự chủ cho các Doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc cổ phần hoá không phải là hình thức tư nhân hoá hết các doanh nghiệp nhà nước mà đối với một số doanh nghiệp thì Nhà nước vẫn giữ vai trò chi phối để làm đầu tàu thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế đất nước. Khu vực kinh tế Nhà nước nên giữ vai trò chi phối như đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đầu tư vào các ngành công nghệ mũi nhọn, an ninh, quốc phòng làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế trong nước.

### **3. Xây dựng cơ chế mối quan hệ của kinh tế tư bản tư nhân với nước ngoài**

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá, chúng ta cũng phải mở cửa để tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật, đồng thời phát huy tiềm lực sẵn có cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì thế, nên mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại đã và đang ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước. Với tình hình như vậy, nhu cầu mở rộng các quan hệ kinh tế quốc tế của chủ doanh nghiệp tư nhân là xu thế khách quan hợp với xu hướng chung của thời đại và có thể đem lại những điều kiện mới, những nguồn lực mới để phát triển nền kinh tế trong nước.

### **4. Phương hướng giải pháp về chính trị xã hội**

Bước vào công cuộc xây dựng đất nước từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, lợi ích của dân tộc và lợi ích của chủ doanh nghiệp vừa có tính thống nhất vừa có mặt đối lập. Chính công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng về hình thức sở hữu, loại hình doanh nghiệp đã mở ra địa bàn rộng lớn cho kinh tế tư bản tư nhân và tầng lớp chủ doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh, dịch vụ trên mọi lĩnh vực để làm giàu chính đáng và góp phần xây dựng đất nước. Nhưng nó cũng đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải biết kết hợp lợi ích riêng của mình với lợi ích chung của dân tộc mà biểu hiện chung nhất là theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", phải tuân thủ luật pháp và sự quản lý

của các cơ quan Nhà nước. Không chỉ xét về mặt tích cực, vì mục tiêu lợi nhuận nhiều chủ doanh nghiệp tư nhân đã có các hành vi vi phạm pháp luật; cho nên đòi hỏi phải có những chính sách phù hợp từ phía Nhà nước để điều tiết.

Trên đây chỉ là những định hướng cơ bản để khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể để tập trung phát triển khu vực kinh tế này.

### **III. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN**

#### **1. Giải pháp về thể chế tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho kinh tế tư bản tư nhân Việt Nam phát triển**

Từ khi vận dụng chính sách đổi mới kinh tế đến nay, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh và chi phối các hoạt động của các khu vực kinh tế bao gồm hệ thống luật doanh nghiệp, luật Doanh nghiệp Nhà nước, luật khuyến khích đầu tư trong nước, luật khuyến khích đầu tư nước ngoài... Tuy đó, hệ thống pháp lý chưa thống nhất, còn phân biệt theo hình thức sở hữu chẳng hạn doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo luật Doanh nghiệp Nhà nước, một số công ty cổ phần mà Nhà nước giữ vai trò chi phối lại hoạt động theo luật Doanh nghiệp... dẫn đến sự chòng chẹo, không hiệu quả trong việc thực thi luật pháp. Chính sự khác nhau đó đã gây ra sự không bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận các yếu tố đầu vào như đất đai, vốn, lao động và công nghệ... và các yếu tố đầu ra như tiếp cận thị trường trong và ngoài nước. Thường thì Doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế nên hưởng nhiều chế độ ưu đãi hơn các doanh nghiệp khác. Chính do đó mà nhiều doanh nghiệp Nhà nước dựa vào vai trò chủ đạo của nền kinh tế mà lấn át để hưởng nhiều chế độ ưu đãi, làm ảnh hưởng đến các thành phần kinh tế khác, gây sự không bình đẳng trong cạnh tranh, làm giảm sút lòng tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Nếu không có sự bình đẳng thực sự sẽ hạn chế, thậm chí có thể dẫn đến triệt tiêu, mất động lực phát triển của kinh tế thị trường. Như vậy, giải pháp về hoàn thiện môi trường pháp lý chính là nên sớm ban hành luật Doanh nghiệp chung, luật đầu tư chung và cần có các cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện và đề

xuất các biện pháp tháo gỡ, khó khăn và chủ động uốn nắn những sai phạm của kinh tế tư bản tư nhân ; tạo mặt bằng pháp lý chung cho mọi loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra cần ban hành luật chống độc quyền nhằm bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như ban hành luật Bảo vệ bản quyền phát minh sáng chế, bảo vệ các cơ sở làm ăn chân chính, chống lại việc làm hàng giả. Quan điểm phát triển kinh tế tư bản tư nhân phải được thể hiện trong phương thức làm việc thống nhất, trong nhận thức của các cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương. Ví dụ như tiếp tục cải cách hành chính trong công tác đăng ký kinh doanh, công khai hoá thủ tục hành chính đối với thành phần kinh tế tư bản tư nhân , tuyên truyền các chính sách ưu đãi của Nhà nước một cách rộng rãi để mọi người đều biết.

Kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng sẽ làm nảy sinh các quan hệ kinh tế phức tạp, cạnh tranh diễn ra với cường độ cao, thủ đoạn tinh vi hơn. Vậy tiếp tục nâng cao vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với kinh tế tư bản tư nhân là yêu cầu khách quan, nó vừa là yêu cầu chung của nền kinh tế vừa tác động trực tiếp đối với kinh tế tư bản tư nhân nhằm hướng nó vào con đường kinh doanh lành mạnh và hữu ích cho xã hội. Chính quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với sự phát triển và hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân một mặt thực hiện chức năng định hướng dẫn dắt và ủng hộ những nỗ lực phát triển của tư nhân, mặt khác nó cũng đảm bảo cho các doanh nghiệp tư nhân hoạt động đúng pháp luật, tuân thủ chế độ quản lý của Nhà nước, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, khắc phục hậu quả xấu. Một vấn đề nóng bỏng đang đặt ra đối với cả hai phía: nhà nước và doanh nghiệp là thực thi pháp luật. Chính đây là bản khoản lớn của doanh nghiệp và là mối lo lớn trong quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với kinh tế tư bản tư nhân . Muốn pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh thì từ cả hai phía doanh nghiệp và cơ quan quản lý cần chấn chỉnh, đổi mới bộ máy quản lý về kinh tế tư bản tư nhân, cá thể, tiểu chủ không phân biệt chia cắt như hiện nay tạo sự bình đẳng giữa các thành phần, khu vực kinh tế. Điều quan trọng là phải chú ý coi trọng đào tạo đội ngũ quản lý có trình độ am hiểu, có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức không để các lợi ích vật chất làm tha hoá. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với những hiện tượng vi phạm hay cố tình làm trái pháp luật.

Để có cơ chế chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy khu vực kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta cần có sự đổi mới, cụ thể là:

- Chính sách giáo dục và đào tạo: Cần có chính sách đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý Nhà nước và người lao động. Các địa phương cần có chính sách trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ hiểu biết đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, năng lực kinh doanh của chủ doanh nghiệp và người lao động. Đối với chủ doanh nghiệp, cần quan tâm bồi dưỡng giáo dục, phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm trước cộng đồng xã hội, có đạo đức kinh doanh, tôn trọng chữ tín, tự giác chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chăm lo đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động tại doanh nghiệp.

- Chính sách tín dụng ngân hàng: Ngoài việc khuyến khích cho vay ưu đãi theo loại dự án đầu tư không kể dự án đó thuộc thành phần kinh tế nào; đối với khu vực kinh tế tư bản tư nhân, cần phải loại bỏ những hàng rào ngăn cản khu vực này tiếp cận với những loại hình tín dụng. Các điều tra gần đây cho thấy ngân hàng Nhà nước chỉ quy định mức lãi suất trần nhưng trên thực tế khu vực kinh tế tư bản tư nhân vẫn bị phân biệt đối xử, phải vay với mức lãi suất cao hơn và tỷ lệ vay vốn thấp chiếm khoảng 2 - 5% tổng vốn mà ngân hàng cho các doanh nghiệp trong nước vay. Nguyên nhân chủ yếu là do vấn đề thế chấp và thủ tục vay vốn còn phiền hà. Cho nên vấn đề đặt ra là phải xem xét lại các thủ tục vay ngân hàng đối với khu vực kinh tế tư bản tư nhân, nên có các chính sách ưu đãi tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua việc cấp tín dụng trung và dài hạn cho các Doanh nghiệp này.

Cần sớm ban hành cơ chế quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp dân doanh, bổ sung chế độ kế toán cho phù hợp với trình độ doanh nghiệp vừa và nhỏ vừa chống thất thu thuế, vừa đảm bảo công tác quản lý Nhà nước với doanh nghiệp, vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp dân doanh sử dụng dịch vụ kiểm toán, thực hiện công khai tài chính doanh nghiệp hàng năm. Khi thực hiện chính sách tài chính tín dụng cần bảo đảm cho kinh tế tư bản tư nhân được hưởng ưu đãi. Nhà nước hỗ trợ về cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước...) tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư bản tư nhân phát triển. Nghiên cứu ban hành chính sách bảo hiểm rủi ro cho hoạt

động của kinh tế tư bản tư nhân trong kinh tế thị trường khuyến khích thành lập và tham gia quỹ bảo hiểm, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Về chính sách tài trợ của Nhà nước đối với kinh tế tư bản tư nhân

Tài trợ của Nhà nước được thể hiện dưới nhiều dạng như: miễn giảm thuế, tín dụng ưu đãi, trợ giá bao tiêu. Trong điều kiện kinh tế thị trường, Nhà nước cần có biện pháp giúp đỡ kinh tế tư bản tư nhân khi nó gặp khó khăn tạm thời nhưng có hướng phát triển lâu dài. Trong trường hợp này, để ổn định và phát triển, Nhà nước có áp dụng chính sách bao tiêu sản phẩm với giá có lợi cho doanh nghiệp tư nhân. Ngoài ra, Nhà nước còn có chính sách đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân .

- Chính sách khuyến khích việc sử dụng đất ở: Tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích việc sử dụng đất ở những vùng còn nhiều đất chưa được sử dụng, đất trống, đồi núi trọc. Tăng cường công tác chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho nhân dân ,giải quyết tốt việc cho thuê đất để các doanh nghiệp phấn khởi đầu tư hình thành các cụm công nghiệp ở các huyện, cụm làng nghề và các làng nghề trong tỉnh. Kiên quyết xử lý những hiện tượng tiêu cực trong việc giao đất, cho thuê đất.

- Chính sách thuế và hải quan: Thuế nói chung không những là nguồn thu chủ yếu của ngân sách mà còn là công cụ quan trọng trong điều hành vĩ mô nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt chính sách thuế và chính sách hải quan còn thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, thể hiện chính sách hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như khung thuế suất cao, chính sách thuế nặng về tận thu, nặng về chế tài áp dụng đối với các đối tượng nộp thuế, chưa thể hiện quyền dân chủ công bằng và bình đẳng trước pháp luật giữa các cơ quan Nhà nước với công dân. Cho nên vấn đề đặt ra là phải sửa đổi, bổ sung các chính sách thuế trong việc giảm bớt những chông chéo trong các luật thuế, giảm bớt các sắc thuế, trong thu thuế xuất nhập khẩu cần thay bằng giá tối thiểu bằng bằng thuế tuyệt đối. Cơ quan thuế và hải quan phải đồng hành cùng doanh nghiệp hướng dẫn, giúp đỡ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Không hình sự hoá các quan hệ giao dịch hành chính, kinh tế dân sự.



- Chính sách thị trường và xuất khẩu: Thị trường là điều kiện quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế hàng hoá, tạo ra cả thời cơ và nguy cơ cho các doanh nghiệp. Do đó, một chính sách thị trường đúng đắn sẽ có tác động hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển đúng hướng. Để thực hiện được điều đó cần có một sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc cung cấp thông tin về thị trường, bỏ hoàn toàn chế độ phân phối hạn ngạch, doanh nghiệp nào có khả năng tìm được bạn hàng thì đương nhiên được xuất với mức hạn ngạch của nước bạn hàng cho phép. Một vấn đề nữa là Nhà nước vẫn cần có chính sách bảo hộ thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong hỗ trợ xuất khẩu hiện nay cần cải tiến mạnh về thủ tục hải quan, quy định thời gian tối đa để hoàn thành một thương vụ xuất khẩu hàng qua hải quan, nếu vượt quá thời hạn thì phải có chế tài với các bộ phận hải quan có liên quan.

## **2. Nhóm chính sách hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế tư bản tư nhân**

Khai thác tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế để nhanh chóng tiến tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá là chủ trương nhất quán của Đảng trong thời kỳ quá độ. Với vai trò quan trọng, khu vực kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần thực hiện tốt công cuộc đổi mới theo định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Bên cạnh những mặt tích cực còn vấp phải những khó khăn, hạn chế. Chính lẽ đó là nguyên nhân cần phải có chính sách và giải pháp để hạn chế tiêu cực của khu vực kinh tế tư bản tư nhân .

Đầu tiên phải nói đến là công tác tăng cường giáo dục chính trị phát huy tinh thần dân tộc của chủ doanh nghiệp tư nhân nhằm chủ động thu hút họ tham gia vào các hoạt động chính trị dưới nhiều hình thức tổ chức thích hợp. Để phát huy tính tích cực của chủ doanh nghiệp tư nhân cần thường xuyên giáo dục đường lối của Đảng để củng cố lòng tin cho họ về con đường phát triển đất nước; đồng thời tiếp nhận những nguyện vọng chính đáng của họ để điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách và cơ chế kinh tế cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của kinh tế tư bản tư nhân trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Mở rộng tính công khai dân chủ đối với chủ doanh nghiệp tư nhân về chính sách và cơ chế quản lý có liên quan nhằm bảo vệ tính nhất quán giữa chính sách và cơ chế đó với việc thực thi chúng.

Sau nữa là việc nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ kinh tế (tài chính, tín dụng, ngân hàng...) để quản lý và điều tiết các hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân

. Kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện sản xuất kinh doanh theo mục tiêu đăng ký, thực hiện nghiêm túc các chế độ tài chính và kinh doanh theo quy định của Nhà nước, phát huy vai trò của ngân hàng trong chức năng trung tâm thanh toán. Và tăng cường công tác thanh tra tài chính của Nhà nước để giúp đỡ các doanh nghiệp tư nhân tránh được sai lầm rủi ro trong kinh doanh, phát hiện và xử lý các hiện tượng tiêu cực phát sinh trong kinh doanh.

Xây dựng các tổ chức chính trị trong các doanh nghiệp tư nhân để đóng góp vào việc hướng dẫn chủ doanh nghiệp hoạt động đúng hướng, đấu tranh chống hiện tượng tiêu cực. Việc thành lập các tổ chức chính trị trong các doanh nghiệp tư nhân không có nhiều khó khăn như đối với các doanh nghiệp nước ngoài nhưng vấn đề chính là nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đó trong thực tiễn. Ở đây vấn đề cần giải quyết là nghiên cứu và xác định một cơ chế hoạt động phù hợp với tính chất của doanh nghiệp và phương thức lãnh đạo của Đảng, không thể áp dụng cơ chế lãnh đạo trực tiếp như trong doanh nghiệp Nhà nước mà các tổ chức chính trị phải thực hiện chức năng lãnh đạo bằng thuyết phục. Đặc biệt các tổ chức quần chúng hoạt động trong doanh nghiệp tư nhân cũng cần xây dựng phương thức hoạt động thích hợp để xác lập địa vị làm chủ của người lao động trong điều kiện của doanh nghiệp tư nhân vừa tôn trọng quyền của chủ doanh nghiệp theo luật định vừa đòi hỏi chủ doanh nghiệp chấp hành đầy đủ luật pháp, tôn trọng quyền lợi hợp pháp của người lao động và để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị đều có ý nghĩa quyết định là lựa chọn đội ngũ lãnh đạo có đủ bản lĩnh trong các doanh nghiệp tư nhân.

Tóm lại kinh tế tư bản tư nhân là một thành phần kinh tế được đánh giá là năng động, sáng tạo đầy tiềm năng phải được phát triển mạnh mẽ, đó là nhiệm vụ có tính chất chiến lược trong sự nghiệp CNH- HĐH. Vì vậy cần tiếp tục tháo gỡ những rào cản, mở rộng điều kiện kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ thích hợp thì chắc chắn mọi nguồn lực trong dân sẽ được khai thác và phát huy có hiệu quả.

## KẾT LUẬN

Căn cứ vào thực trạng của tình hình phát triển kinh tế ở Việt Nam những năm vừa qua, những chủ trương, đường lối, chính sách nhất quán của Đảng về phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân, ta thấy rõ được vai trò của khu vực kinh tế này trong xu thế phát triển nền kinh tế nói chung. Cho nên khu vực kinh tế tư bản tư nhân phải được hưởng những điều kiện của Đảng và Nhà nước, được đối xử bình đẳng từ phía các cơ quan công quyền và từ môi trường kinh doanh thông thoáng phù hợp với đường lối của Đảng cũng như xu thế của thời kỳ hội nhập, thời kỳ phát triển kinh tế đất nước là trọng tâm.

Để thực hiện được điều này, vấn đề đặt ra về phía Đảng và Nhà nước là cần phải không ngừng đổi mới và phải hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm phát huy mọi hiệu quả của nền kinh tế đặc biệt là trong phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân. Đó chỉ là sự hỗ trợ từ phía Đảng và Nhà nước, còn cái chính phải nói đến là sự nỗ lực vươn lên của mỗi bản thân doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Có như vậy mới phát huy hết tiềm năng và sức mạnh của một nguồn lực to lớn và quan trọng này để góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế đất nước trong thời kỳ hội nhập.

Sinh viên thực hiện

**Võ Thị Thu Lý**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Anh Dũng  
Phát triển khu vực kinh tế tư nhân - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp.  
Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 319 - Tháng 12/2004
2. Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 9  
Nhà Xuất bản chính trị quốc gia - Hà Nội - 2000
3. Hoàng Văn Hoa  
Một số ý kiến về phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam năm 2004  
Tạp chí kinh tế và phát triển - 3/2005.
4. Đỗ Thị Nga Ngọc  
Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân .
5. Hà Huy Thành (Chủ biên)  
Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân - lý luận và chính sách.  
Nhà xuất bản chính trị quốc gia - Hà Nội - 2002
6. Lê Khắc Triết  
Đổi mới và phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam - Thực trạng và giải pháp  
Nhà xuất bản lao động - Hà Nội - 2005
7. Phạm Quý Thọ  
Vai trò kinh tế tư bản tư nhân đối với phát triển thị trường lao động ở Việt Nam  
Tạp chí kinh tế và phát triển - 4/2005
8. Võ Xuân Tiến  
Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trong tiến trình hội nhập nền kinh tế thế giới.  
Tạp chí kinh tế và phát triển - 2/2005
9. Nguyễn Thanh Tuyên (Chủ biên)  
Thành phần kinh tế tư nhân và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá  
Nhà xuất bản chính trị quốc gia - Hà Nội - 2002
10. Hồ Trọng Viện  
Kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

## MỤC LỤC

<b>Lời nói đầu</b> .....	1
<b>Chương I. Lý luận về các thành phần kinh tế và tư bản tư nhân</b> .....	3
I. Học thuyết Mác - Lênin về các thành phần kinh tế.....	3
II. Kinh tế tư bản tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	4
1. Khái niệm về kinh tế tư bản tư nhân.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân.....	5
3. Vai trò của khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.....	8
<b>Chương II. Đổi mới cơ chế chính sách để thúc đẩy khu vực kinh tế tư bản tư nhân phát triển</b> .....	12
I. Thực trạng phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.....	12
1. Phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong thời gian qua từ khi có chính sách đổi mới.....	12
2. Phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân theo ngành nghề sản xuất kinh doanh và theo vùng lãnh thổ.....	16
3. Các kết quả đạt được, các yếu kém cần khắc phục.....	18
4. Nguyên nhân của yếu kém, hạn chế.....	27
4.1. Vẫn có sự phân biệt đối xử với khu vực kinh tế tư nhân.....	27
4.2. Những nguyên nhân từ cơ chế chính sách.....	27
4.3. Nguyên nhân thuộc về bản thân doanh nghiệp.....	29
II. Chính sách pháp luật với vai trò định hướng và điều tiết.....	30
1. Vai trò định hướng và điều tiết của chính sách phát triển.....	30
2. Tính tất yếu phải đổi mới cơ chế chính sách.....	32
<b>Chương III. Các giải pháp để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư bản tư nhân trong giai đoạn mới</b> .....	33
I. Quan điểm của Đảng với vấn đề phát triển kinh tế tư bản tư nhân.....	33
1. Tính tất yếu khách quan của kinh tế tư bản tư nhân trong nền kinh tế thời kỳ quá độ.....	33
2. Tạo sự bình đẳng giữa các khu vực kinh tế.....	34
3. Nhà nước đóng vai trò điều tiết vĩ mô trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế.....	34
II. Phương hướng đổi mới cơ cấu và chính sách phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân.....	35
III. Những giải pháp để phát triển khu vực kinh tế tư bản tư nhân.....	38
<b>Kết luận</b> .....	45
<b>Tài liệu tham khảo</b> .....	46